TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2018
V/v: ly hôn giữa
anh Tr và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Kim Thành

2. Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Công Tr, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1987

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Thôn B, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: số 59 H, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh Tr có mặt, chị T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-3-2018, bản tự khai ngày 15-3-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Dương Công Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Thu T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào tháng 12 năm 2015 nhưng đến tháng 11 năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trước khi quen và cưới chị T, chị T đã kết hôn và có 1 con riêng sinh năm 2007 nhưng đã ly hôn từ năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau. Bản thân anh chị đã nói chuyện và hòa giải để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đặc biệt sau khi chị T sinh con thì mâu thuẫn càng căng thẳng hơn, chị T có những lời nói, cách ứng xử không đúng mực nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 4-2017 đến nay không quan tâm đến nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Dương Gia H, sinh ngày 22-02-2017, hiện đang ở với chị T. Vì cháu còn bé nên nguyện vọng của anh để chị T nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ báo chị T đến Tòa án làm việc nhưng chị T không đến nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 3 năm 2018 địa phương nơi anh Tr và chị T sinh sống cung cấp: Anh Tr và chị T không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng sau khi cưới anh chị chung sống tại địa chỉ 59 H, phường P, thành phố N. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống. Hai bên không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 và điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử ly hôn giữa anh Tr và chị T; về con chung: giao cháu Dương Gia H, sinh ngày 22-02-2017 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng đảm bảo quyền lợi mọi mặt con chung. Về tài sản chung và công nợ: anh Tr không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Dương Công Tr và chị Lê Thị Thu T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm. Theo anh Tr từ sau khi sinh con chị T có những lời nói và cách ứng xử không đúng mực nên ảnh hưởng quan hệ vợ chồng. Bản thân anh chị đã nói chuyện hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn dẫn đến việc anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh Tr vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn với chị T.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh Tr và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa anh Tr và chị T.

[2.2] Về nuôi con chung: anh Tr và chị T có 01 con chung Dương Gia H, sinh ngày 22-02-2017.

Xét thấy, cháu H còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi lại đang ở với chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Tr có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000đồng/tháng, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng cao hơn, buộc anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 1.500.000đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Dương Công Tr và chị Lê Thị Thu T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Gia H, sinh ngày 22-02-2017. Buộc anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn)đồng/tháng kể từ tháng 5-2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Dương Công Tr và chị Lê Thị Thu T có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Công Tr phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Dương Công Tr đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001209 ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Anh Dương Công Tr còn phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Anh Dương Công Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Thu T có quyền kháng cáo cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Dương Công Tr và chị Lê Thị Thu T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường Q;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà